

Số: /BC-UBND

Chánh Nghĩa, ngày 02 tháng 01 năm 2025

Dự Thảo

BÁO CÁO
Đánh giá kết quả và đề nghị công nhận
phường Chánh Nghĩa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

I. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện:

UBND phường đã ban hành kế hoạch số 37 /KH-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 kế hoạch thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn phường Chánh Nghĩa năm 2024; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 14/03/2024 về xây dựng phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024. UBND phường tiến hành họp triển khai nội dung trong kế hoạch và yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị hồ sơ đánh giá phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024.

2. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu:

a) Đối với tiêu chí 1:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 02/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/02 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 10/10 điểm.

b) Đối với tiêu chí 2:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 06/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/06 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 30/30 điểm.

c) Đối với tiêu chí 3:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 03/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/03 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 15/15 điểm.

d) Đối với tiêu chí 4:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 05/05 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/05 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/05 chỉ tiêu.

- Số điểm đạt được của tiêu chí: 20/20 điểm.

đ) Đối với tiêu chí 5:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 04/04 chỉ tiêu.

- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 00/04 chỉ tiêu.

- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 00/04 chỉ tiêu.

- Số điểm đạt được của tiêu chí: 25/25 điểm.

3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 tiêu chí

b) Tổng điểm số đạt được của các tiêu chí: 100/100 điểm (sau khi làm tròn)

c) Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng được 03/03 điều kiện.

II. Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp khắc phục

1. Thuận lợi

- Được sự hướng dẫn về chuyên môn của Phòng Tư pháp thành phố Thủ Dầu Một. Cán bộ công chức đã được tham gia tập huấn về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do UBND thành phố tổ chức

- Đảng uỷ, UBND phường chỉ đạo sâu sát và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Không có.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục

- Đề nghị UBND thành phố, tỉnh tiếp tục tăng cường tổ chức tập huấn và chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. Mục tiêu, kế hoạch thực hiện

1. Mục tiêu thực hiện

Để thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cần lưu ý một số nội dung sau:

- Điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân đối với thông tin pháp luật được dễ dàng và đa dạng hình thức như: Trực tiếp qua tuyên truyền miệng, loa truyền

thanh, bảng thông báo, sinh hoạt các câu lạc bộ pháp luật, các trang thông tin của địa phương, các nhóm zalo của địa phương...

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngày càng được nâng cao về chất lượng.

- Việc giải quyết thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định.

- Phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người, quyền công dân được thực hiện tốt.

- Việc tháo gỡ kịp thời mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn phường được kịp thời không để xảy ra bức xúc, khiếu kiện vượt cấp.

2. Kế hoạch thực hiện

- Ngay từ đầu năm UBND phường phải xây dựng kế hoạch và có phân công cụ thể tổ chức thực hiện từng tiêu chí, chỉ tiêu trong việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Phân công cán bộ đầu mối kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong kế hoạch đề ra.

- Lập dự toán và đảm bảo kinh phí thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

- Đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu khi đánh giá phải cung cấp được tài liệu minh chứng cụ thể.

IV. Đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Ủy ban nhân dân phường Chánh Nghĩa kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xem xét, quyết định công nhận phường Chánh Nghĩa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024.

Kèm theo báo cáo này gồm có:

1. Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;
2. Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.
3. Tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- UBND TP.Thủ Dầu Một;
- Phòng Tư pháp TP.TDM;
- CT, các PCT.UBND phường;
- Lưu: VT, TP.

CHỦ TỊCH

Vương Chí Cường

Chánh Nghĩa, ngày 02 tháng 01 năm 2025

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung, cách tính điểm	Điểm số tối đa	Căn cứ chấm điểm		Điểm số tự chấm	Ghi chú	
			Số hiệu thực hiện (1)	Tỷ lệ đạt được (2)			
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10			10		
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)	3			3	Có 12/12 Nghị quyết cá biệt. Trong năm không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật. HS kèm theo: 1. Danh mục và 12 nghị quyết cá biệt của Hội đồng nhân dân phường năm 2024; 2. Báo cáo số Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL của HDND, UBND ngày 12/12/2024 của UBND phường Chánh Nghĩa. 3. Báo cáo số Báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản QPPL năm 2024	
			1	12/12	100%		1
			1	12/12	100%		1
			0				
	b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên						
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm	2	12/12	100%	2	Có 12/12 Nghị quyết cá biệt. Trong năm không có ban hành văn bản quy phạm	

	đánh giá									pháp luật. HS kèm theo: 1.Kế hoạch 60 kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL 2.Báo cáo số Báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản QPPL năm 2024
	a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật	2	12/12	100%	2					
	b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0								
	Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là văn bản hành chính)	7								Ban hành 522 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, kết quả báo cáo xử lý vi phạm hành chính. Hồ sơ kèm theo: 1.Báo cáo số 277 ngày 06/12/2024 báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024. (tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 01/12/2024).
	a) Đạt 100%	7	522/522	100%	7					
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6								
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5								
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4								
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3								
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2								
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1								
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25								
	i) Dưới 50%	0								
	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp	30								
Tiêu chí 2										30

Chỉ tiêu 2

Tiêu chí 2

	luật												
Chỉ tiêu 1	Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	6			6								
								1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1	01/01	100%	1	Có lập và niêm yết Danh mục thông tin pháp luật đã cung cấp, công khai năm 2024
								a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật	0,5	01/01	100%	0,5	Hồ sơ chứng minh: Danh sách thông tin pháp luật đã cung cấp, công khai năm 2024
								b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Công hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Công hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác	0,5	01/01	100%	0,5	Hồ sơ chứng minh: Hình ảnh niêm yết
								2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm	1,5	15/15	100%	1,5	Danh mục thông tin pháp luật đã cung cấp; công khai năm 2024
	Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100												
	a) Đạt 100%	1,5	15/15	100%	1,5								
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1											
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75											
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5											

d) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
e) Dưới 50%	0					
3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	2	15/15	100%	2	Danh sách theo dõi các cung cấp thông tin	
a) Đạt 100%	2	15/15	100%	2		
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5					
c) Từ 80% đến dưới 90%	1					
d) Từ 70 đến dưới 80%	0,5					
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
e) Dưới 50%	0					
4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5	15/15	100%	1,5	(Hồ sơ chứng minh: Danh sách, hình ảnh niêm yết;	
a) Đạt 100%	1,5	15/15	100%	1,5		
b) Từ 90% đến dưới 100%	1					
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75					
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
e) Dưới 50%	0					

Chỉ tiêu 2	Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)</i>	5	28/28	100%	5	Danh sách theo dõi các cung cấp thông tin
	1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	28/28	100%	1,5	Hồ sơ chứng minh: Sổ theo dõi cung cấp thông tin năm 2024
	a) Đạt 100%	1,5	28/28	100%	1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2	28/28	100%	2	
	a) Đạt 100%	2	28/28	100%	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				

	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
	3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	28/28	100%	1,5		
	a) Đạt 100%	1,5	28/28	100%	1,5		
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1					
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75					
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
Chỉ tiêu 3	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	8			8		
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2	1/1	100%	2		Ban hành kế hoạch đúng thời gian Hồ sơ chứng minh: 1.Kế hoạch số 37 ngày 26/02/2024 kế hoạch thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, xây dựng xã phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 2.Các kế hoạch thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật qui 1, 2, 3 năm 2024 3.Báo cáo kết quả tuyên truyền phổ biến
	a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	2	1/1	100%	2		
	b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1					

c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	0				giáo dục pháp luật năm 2024
2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này): <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i>	4			4	4. Báo cáo số 283 ngày 06/12/2024 BC tổng kết công tác PBGDPL năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025
a) Đạt 100%	4	10/10	100%	4	5. Mẫu tờ rơi tuyên truyền pháp luật
b) Từ 90% đến dưới 100%	3				6. Báo cáo số ngày 16/11/2024 BC kết quả công tác Tư pháp – Hộ tịch năm 2024
c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
e) Dưới 50%	0				
3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</i>	2	0/0	100%	2	Trong năm không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên
a) Đạt 100%	2			2	
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				

	c) Từ 80% đến dưới 90%	1					
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
Chỉ tiêu 4	Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	5			5		Có 04 mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở 1.Hội nghị tuyên truyền pháp luật 2.Hội thi tìm hiểu pháp luật 3.Tuyên truyền pháp luật bằng thư trao người dân (Đã gửi: Thư chúc mừng: 426, thư chia buồn: 156) 4.Tờ rơi tuyên truyền pháp luật. (Hơn 6000 tờ, phát cho 12 khu phố)
	a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5	04/04	100%	5		
	b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	3					
	c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	0					Hồ sơ chứng minh: Các phiếu lấy ý kiến, báo cáo tổng hợp kết quả. Các kế hoạch tổ chức hội thi, hội nghị tuyên truyền (kèm biên bản tuyên truyền)
Chỉ tiêu 5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100</i>	3			3		-Trong năm xây dựng văn bản hướng dẫn công tác hòa giải cơ sở -Tổ chức các hội nghị tuyên truyền pháp luật, 26/26 thành viên tham gia đầy đủ các buổi tập huấn do Phòng Tư pháp thành phố Thủ Dầu Một tổ chức.
	a) Đạt 100%	3	23/23	100%	3		Hồ sơ chứng minh: 1.Các kế hoạch tổ chức tuyên truyền. 2. Báo cáo số ngày 16/11/2024 BC kết
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2					

	c) Từ 80% đến dưới 90%	1					quả công tác Tư pháp – Hộ tịch năm 2024
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
Chỉ tiêu 6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	3			3		
	a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	3	10/10	100%	3		Hồ sơ chứng minh: Danh sách chi thường xuyên công tác PBGDPL và hòa giải cơ sở phường Chánh Nghĩa năm 2024, Kết quả tổng chi: 99.290.000đồng
	b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	2					
	c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	1					
	d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,5					
	đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,25					
	e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0					
Tiêu chí 3	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	15			15		

Chỉ tiêu 1	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)</i>	7			7	
1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	3,5	03/03	100%	3,5	3,5	Trong năm tiếp nhận và tổ chức hòa giải thành 03/03 vụ. (đã được lập danh mục hồ sơ từng vụ việc)
Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100						Hồ sơ chứng minh:
a) Đạt 100%	3,5	03/03	100%	3,5	3,5	1. Báo cáo số ngày 16/11/2024 BC kết quả công tác Tư pháp – Hộ tịch năm 2024.
b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5					2. Hồ sơ 03 vụ việc hòa giải (có danh sách kèm theo)
c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5					
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
e) Dưới 50%	0					
2. Các vụ, việc hòa giải thành	3,5				3,5	Hòa giải thành 03/03 vụ việc
Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100						Hồ sơ chứng minh:
a) Đạt 100%	3,5	03/03	100%	3,5	3,5	1. Hồ sơ 03 vụ việc hòa giải
b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5					
c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5					
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					

	d) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
Chỉ tiêu 2	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	4			4		Danh sách chi thường xuyên công tác PBGDPL và hòa giải cơ sở phường Chánh Nghĩa năm 2024
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1	12/12	100%	1		Hồ sơ chứng minh: 1. Quyết định cùng có 12 Tổ hòa giải 2. Quyết định cùng có Hội đồng HGTCPD phường.
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100</i>	1,5			1,5		Thực hiện chi hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định cho 12 tổ hòa giải Hồ sơ chứng minh: 1. Danh sách chi thường xuyên công tác hòa giải ở cơ sở 2. Bảng kê nội dung thanh toán 3. Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước
	a) Đạt 100%	1,5	12/12	100%	1,5		
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1					
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75					
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
	3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải</i>	1,5			1,5		Trong năm 2024 đã tiếp nhận 03 vụ và tổ chức hòa giải thành 03/03 vụ đạt 100%. Thực hiện chi thù lao 03/03 vụ theo đúng quy định.

	d) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
Tiêu chí 4	Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	20				20	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	3				3	Trong năm 2023, tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Chủ tịch UBND phường với nhân dân trên địa bàn phường Chánh Nghĩa tại Hội trường UBND phường, ngày 08/06/2023, có 92 người dự và 28 ý kiến về: Chính trang đô thị; nào vết-kênh rạch; công tác chỉ đạo điều hành của UBND; công tác vệ sinh môi trường; trật tự đô thị, trật tự xây dựng.
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2				2	Hồ sơ chứng minh:
	a) Có tổ chức hội nghị	2	01/01	100%	2	Kế hoạch số 57 ngày 23/3/2023 của UBND; Kế hoạch số 65 ngày 21/4/2023 của UBNDTQ phường Chánh Nghĩa; Báo cáo số 145 ngày 08/6/2023 của UBNDTQ phường Chánh Nghĩa.	
	b) Không tổ chức hội nghị	0					
	2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật	1			1		
	a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức	1	01/01	100%	1		
	b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức	0					
Chỉ tiêu 2	Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	4			4	Trong năm tổ chức hội nghị nhân dân trên địa bàn phường để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	
	Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100					Hồ sơ chứng minh:	
	a) Đạt 100%	4	02/02	100%	4	1.Kế hoạch số 56 ngày 20/02/2023 của UBNDTQVN phường 2.Biên bản các hội nghị	

	pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100								
	a) Đạt 100%	4	02/02	100%	4	<p>2. Báo cáo số 207 ngày 03/11/2023 kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thường lệ giữa năm 2023, lần thứ 10 HĐND phường khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026</p> <p>3. Tổ chức cho nhân dân tham gia ý kiến khảo sát tình hình thực hiện pháp luật về lao động, việc làm; thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu.</p>			
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3							
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2							
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1							
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25							
	e) Dưới 50%	0							
Chỉ tiêu 5	Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	5			5				
	1. Các nội dung để Nhân dân giám sát	4			4	<p>Trong năm 2024 thực hiện giám sát đầu tư cộng đồng 05 nội dung công trình.</p> <p>Hồ sơ chứng minh:</p> <p>Quyết định, biên bản và danh sách các hộ dân tham dự giám sát 05 công trình</p> <p>Báo cáo kết quả hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.</p>			
	a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên	4	05/05	100%	4				
	b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung	3							
	c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung	2							
	d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung	1							
	đ) Không tổ chức giám sát	0							
	2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	1	05/05	100%	1				
Tiêu chí 5	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục	25			25				

	hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội							
Chỉ tiêu 1	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	7						
	1. Tổ chức tiếp công dân	3						
	a) Có nội quy tiếp công dân	0,5						
	b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở	0,5						
	c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)	1						
	d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1						
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh							
	Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100	2						
	(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)							
	a) Đạt 100%	2	05/05	100%				

	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5					
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1					
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)</i>	2			2		
	a) Đạt 100%	2	00/00	100%	2		
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5					
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1					
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5					
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25					
	e) Dưới 50%	0					
Chỉ tiêu 2	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i>	7					Trong năm đã tiếp nhận và giải quyết 16.535 thủ tục hành chính đúng quy định (báo cáo kết quả Tư pháp – Hộ tịch năm 2024)

	a) Đạt 100%	7	16.535/16.535	100%	7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6				
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	i) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5			5	
	a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5	0/0	100%	5	Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự
	b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0				
Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	6			6	Phường được UBND thành phố tặng giấy khen: Có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giai đoạn 2013-2023
	a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	6			6	

b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0				
TỔNG CỘNG:	100			100	

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

NGƯỜI THỰC HIỆN

Vương Chí Cường

Trần Thanh Hải